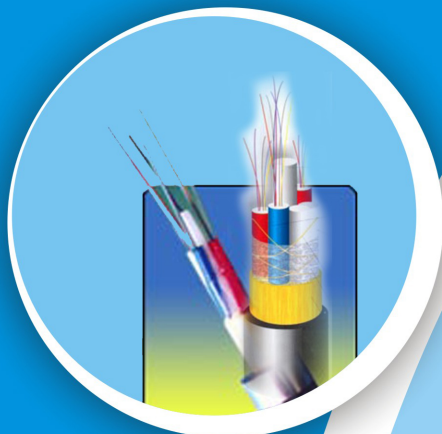




**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2015

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát:	2
2. Quá trình hình thành và phát triển:.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	3
3.1 Ngành nghề kinh doanh chính:	3
3.2. Địa bàn kinh doanh:	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	3
4.1. Mô hình quản trị.....	3
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển:	5
6. Các rủi ro:	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	7
2. Tổ chức và nhân sự:	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	17
4. Tình hình tài chính:	19
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	20
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	22
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	22
2. Tình hình tài chính	23
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	23
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	23
4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015:	23
4.2 Kế hoạch tiền lương 2015:	23
4.3 Kế hoạch đầu tư:	23
4.4 Kế hoạch tài chính:	23
4.5 Thông qua chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán:	24
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	24
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	25
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:	25
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:.....	25
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	26
Định hướng chiến lược phát triển năm 2015:.....	27
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1. Hội đồng quản trị:	28
2. Ban Kiểm soát:	30
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:	34
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	36
1. Ý kiến kiểm toán	39
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:	41

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam

Năm báo cáo: Năm 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000364082 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2002, Đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 01/04/2014.
- Vốn điều lệ: **15.000.000.000 VND** (Mười lăm tỷ đồng).
- Vốn chủ sở hữu: **23.187.671.226 VND** (Hai mươi ba tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng).
- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
- Số điện thoại : 0510.3811 811
- Số fax : 0510.3811 999
- Website : <http://www.qtc.vn>
- Mã cổ phiếu : **QCC**

* Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 2002:

- ✓ Ngày 25/01/2002, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (QTC) được thành lập.

Năm 2003:

- ✓ Ngày 08/10/2003 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 3,5 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng.

Năm 2006:

- ✓ Ngày 25/05/2006 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 5 tỷ đồng lên 7 tỷ đồng.

Năm 2007:

- ✓ Ngày 24/05/2007 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 7 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

Năm 2008:

Ngày 18/01/2008, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được Cục sở hữu trí tuệ chứng nhận nhãn hiệu được bảo hộ Logo “QTC”.

Năm 2010:

- ✓ Ngày 06/10/2010, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội (HNX) theo Thông báo số 906/TB-SGDHN ngày 29/09/2010.

📅 Năm 2014:

- ✓ Ngày 29/04/2014, Sở GDCK Hà Nội có Quyết định số 212/QĐ-SGDHN về việc hủy niêm yết cổ phiếu QCC do Tổ chức kiểm toán có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính năm 2013 của công ty, thuộc diện hủy niêm yết theo qui định tại Điều 6, Khoản 1, Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.
- ✓ Ngày 26/05/2014, cổ phiếu QCC chính thức hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- ✓ Ngày 30/5/2014, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 286/QĐ-SGDHN.
- ✓ Ngày 06/6/2014, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 487/TB-SGDHN ngày 30/5/2014.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

* Ngành nghề kinh doanh:

- Thi công các công trình xây lắp bưu chính- viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình.
- Dịch vụ đo kiểm viễn thông
- Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất
- Sản xuất sản phẩm cốt bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông
- Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, các thiết bị viễn thông tin học
- Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh

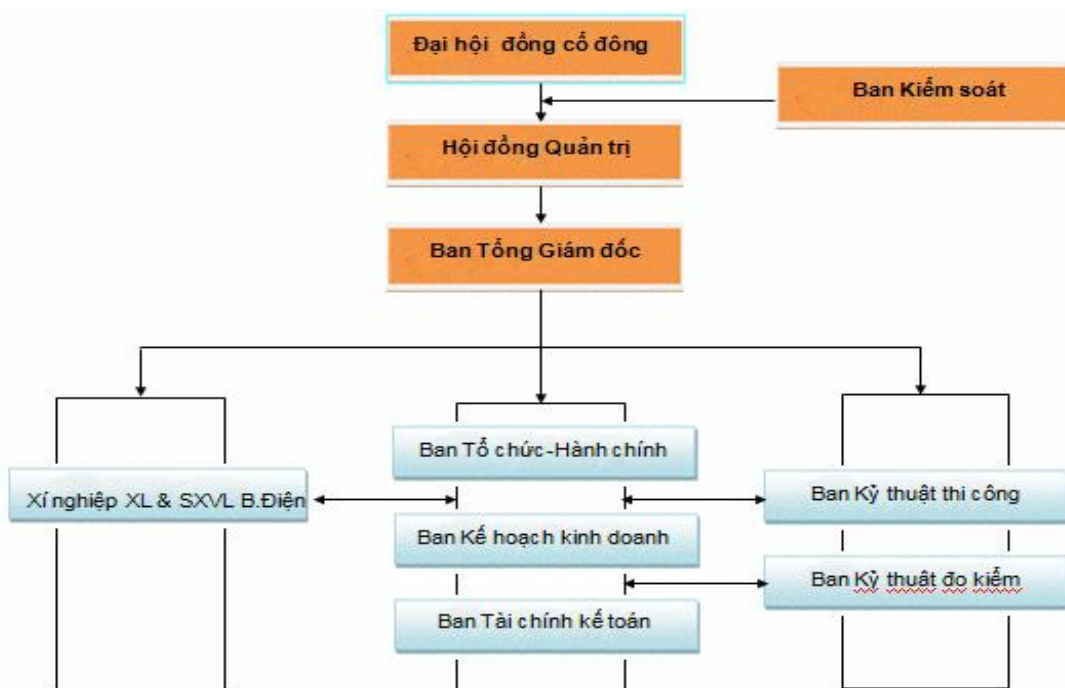
- * Địa bàn kinh doanh: Quảng Nam, Tp Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, KonTum và tỉnh Khánh Hòa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị.

- + **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.
- + **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- + **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc điều hành Công ty là người Đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giám đốc điều hành Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + **Phó Tổng giám đốc:** Các Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc điều hành, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.
- + **Các Ban chức năng:** Do Hội đồng quản trị thành lập trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc điều hành, các Ban chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của Ban, đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.



3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

* Công ty liên kết:

- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng QTC
- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh:
 - + Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình.
 - + Xuất bản phần mềm
 - + Sản xuất thiết bị truyền thông
 - + Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng Internet
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - + Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học
 - + Dịch vụ đo kiểm viễn thông
 - + Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông
 - + Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyên giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học
 - + Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - + Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
 - + Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, các thiết bị viễn thông tin học
 - + Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh
- Vốn điều lệ thực góp: **400.000.000** đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), chiếm tỷ lệ 40%/ Vốn điều lệ của Công ty.

4. Định hướng phát triển :

Giai đoạn 2016-2017: Tiếp tục thực hiện các công trình xây lắp chuyên ngành ngày càng chuyên nghiệp và tinh gọn bộ máy, mở rộng các lĩnh vực sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở hạ tầng hiện có đối với các sản phẩm ngoài chuyên ngành Viễn thông như: Ngành xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi... phối hợp với một số doanh nghiệp khác đầu tư kinh doanh các dự án hạ tầng, bất động sản... nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ròng trên 10% vốn cổ đông.

Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục sắp xếp, củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong và lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên, lấy đó làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

Lĩnh vực thi công xây lắp: Trong chiến lược chuyển dần Công ty sang hoạt động đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng. Công ty xác định sẽ tiếp tục duy trì ở mức phù hợp lĩnh vực truyền thống là hoạt động xây lắp ngành viễn thông, tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động khác của Doanh nghiệp.

Lĩnh vực xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật : Tham gia triển khai các dự án hạ tầng vừa và nhỏ tại Quảng Nam, cụ thể : Xây dựng CSHT các trạm phát sóng, Trường học, giao thông liên xã ...

Lĩnh vực hoạt động tài chính: Tham gia các dự án liên doanh đối với các Công ty đang hoạt động hiệu quả hoặc góp vốn vào các dự án hạ tầng nhằm bổ sung lợi nhuận của Công ty.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Lĩnh vực xây lắp viễn thông : Không ngừng củng cố và nâng cao lĩnh vực hoạt động xây lắp viễn thông làm nòng cốt chính.

Lĩnh vực xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật : Tham gia triển khai hiệu quả các công trình hạ tầng viễn thông, hạ tầng khu dân cư, trường học, giao thông liên xã vừa và nhỏ tại tỉnh Quảng Nam .

Tùy theo tình hình chung, Công ty sẽ chủ động điều tiết phát triển các dự án bất động sản và hạ tầng để tránh rủi ro và vẫn xác định đây là lĩnh vực quan trọng phải theo đuổi, chuẩn bị nhân sự, xây dựng các kế hoạch phát triển cho phù hợp.

Các mục tiêu phát triển bền vững.

Đối với môi trường:

Công ty QTC luôn hướng tới đến các mục tiêu tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường. Tại các dự án do QTC đầu tư, phong cách thiết kế luôn hướng tới thiên nhiên.

Đối với cộng đồng:

Với tinh thần hướng tới cộng đồng, Công ty QTC luôn mong muốn mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng các dịch vụ xây lắp và chăm sóc khách hàng. Lãnh đạo QTC mong muốn khi khách hàng truyền thống tìm hiểu về các dịch vụ của công ty đầu tư sẽ được biết đến một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực đầu tư, xây lắp ngành Viễn thông và phát triển hạ tầng khác...

5. Các rủi ro:

Xây dựng cơ bản nói chung và xây lắp các công trình viễn thông nói riêng là một trong những lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của cả nước.

Bên cạnh những thuận lợi, công ty cũng gặp không ít khó khăn, bởi các nguyên nhân khách quan:

- + Trong hoạt động xây lắp, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay, việc giải ngân vốn thường chậm. Quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các Công ty xây lắp nói chung và Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu Điện Quảng Nam nói riêng, đặc biệt là các khoản công nợ phải thu.
- + Bên cạnh đó, giá cả các yếu tố đầu vào có xu hướng tăng làm ảnh hưởng đến chi phí của Công ty, giảm lợi nhuận. Tuy nhiên Công ty cũng có nhiều thuận lợi là đã có uy tín trong ngành xây lắp và dịch vụ bưu điện, kinh nghiệm trong đấu thầu và đông đảo khách hàng truyền thống nên việc đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra là khả thi.
- + Biến động về tỷ lệ lạm phát có thể ảnh hưởng đến nhu cầu xây dựng cũng như các nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA) của nước ngoài cho việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt Nam. Hiện tại, nền kinh tế đang trong tình trạng giá cả tăng cao, giá các yếu tố đầu vào cho sản xuất tăng cao làm giá thành công trình cao, dẫn đến khó khăn trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- + Trong lĩnh vực xây lắp bưu điện, nguyên vật liệu đầu vào chiếm một tỷ trọng tương đối cao, nhiều loại nguyên vật liệu phải nhập khẩu, do vậy hoạt động của Công ty phần nào chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các loại ngoại tệ.

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, những rủi ro bất khả kháng cũng có thể xảy ra, như bão, lũ lụt,... làm hư hỏng và thiệt hại các công trình đang thi công dở dang, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và hiệu quả kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2015 với quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra, dưới sự lãnh đạo hiệu quả của HĐQT và điều hành nhạy bén sáng tạo có trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đã cùng với tập thể người lao động đạt được một số kết quả sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	%/Kế hoạch	%/2014
1	Doanh thu	25.200.000.000	22.144.366.291	87,87	65,51
2	Lợi nhuận trước thuế	3.000.000.000	2.122.867.679	70,76	61,95
3	Lợi nhuận sau thuế	2.400.000.000	1.514.321.226	63,10	56,01
4	Cổ tức %	10 %	9%	90,00	90,00

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành: Tính đến ngày 31/3/2015

+ Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hoài Thanh	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Văn Minh Thành	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Như Hoàng	Ủy viên HĐQT
Ông Châu Quang Trịnh	Ủy viên HĐQT

Số thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp Công ty là 03 người:

Ông Nguyễn Việt Hà, Ông Trần Như Hoàng và Ông Châu Quang Trịnh.

+ Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên Ban kiểm soát

+ Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng :

Ông Trần Hoài Thanh	Tổng giám đốc
Ông Lưu Văn Minh Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân	Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, BKS, Ban điều hành:

+ Ông Nguyễn Việt Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 31/12/1969
CMND số	: 205659807; cấp ngày 15/08/2009; Công an tỉnh Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
Chỗ ở hiện tại	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Điện tử viễn thông.
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam

Quá trình công tác :

- ✚ Từ 01/1995 - 12/1996: Kỹ sư Công ty Thiết kế Bưu điện Q.Nam Đà Nẵng.
- ✚ Từ 01/1997 - 06/1997: Phó trưởng phòng KTNV Viễn thông QNam Đà Nẵng.
- ✚ Từ 07/1997 - 05/2001: Phó Trưởng phòng quản lý Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2001 - 08/2006: Trưởng phòng quản lý Viễn thông tin học BĐ QNam
- ✚ Từ 09/2006 - 10/2006: Phó trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 11/2006 - 12/2007: Trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2008 - 11/2009: Trưởng phòng Đầu tư Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 17/11/2009 đến nay: Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	12.450 cổ phần (chiếm 0,83% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Ông Trần Hoài Thanh – Phó chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/12/1972
CMND số	: 201224593; cấp ngày 20/08/2009; Công an TP Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Hòa Cường - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng;
Chỗ ở hiện tại	: 34 Thanh Long - Phường Thanh Bình - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế.
Chức vụ công tác hiện nay	: Tổng giám đốc Công ty
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ 09/1997 - 01/2002, Kế toán viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 02/2002 - 06/2009, Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN Xây lắp, Xí nghiệp QTC2.
- ✚ Từ 07/2009 - 12/2011, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp QTC3.

- ✚ Từ 01/2012 - 03/2014, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- ✚ Từ 04/2014 đến nay, Tổng giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	20.500 cổ phần (chiếm 1,37% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Ông Lưu Văn Minh Thành – Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 24/05/1975
CMND số	: 205144037; cấp ngày 02/07/2011; Công an Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;
Chỗ ở hiện tại	: Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân cao đẳng KT Viễn thông
Chức vụ công tác hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty
Quá trình công tác	:






- ✚ Từ 10/1995-12/2002, Kỹ thuật viên Bưu điện huyện Hiệp Đức -Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2003-04/2004, Kỹ thuật viên Công ty Điện báo điện Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2004-04/2005, Chuyên viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2005-09/2006, Phó phòng QL Thi công Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 10/2006-09/2010, Phó Giám đốc Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 10/2010-12/2011, Giám đốc Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2012-11/03/2014, Trưởng Ban KTTC - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 12/03/2014 đến nay, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
---------------------------	-------

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	8.000 cổ phần (chiếm 0,53% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Ông Châu Quang Trịnh – Ủy viên HĐQT

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 15/7/1966
CMND số	: 205717574; Cấp ngày: 12/12/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xã Hòa Minh, huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng
Chỗ ở hiện tại	: 193, Trần Quý Cáp, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Phó chủ tịch Công đoàn Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:

-  Từ tháng 01/1990 - 04/1999: Công nhân cấp máy Bưu điện Tiên Phước-Bưu điện Quảng Nam
-  Từ tháng 05/1999 - 07/2002: Phó giám đốc Bưu điện Tiên Phước -Bưu điện Quảng Nam
-  Từ tháng 08/2002 - 12/2007: Trưởng đài VT TP-TM-Công ty ĐB-ĐT-Bưu điện Quảng Nam
-  Từ tháng 01/2008 - 11/2008: Chuyên viên Thi đua khen thưởng-Viễn thông Quảng Nam
-  Từ tháng 12/2008 đến nay: Phó Chủ tịch Công đoàn Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	12.000 cổ phần (chiếm 0,8% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không

Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Ông Trần Như Hoàng – Ủy viên HĐQT

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 20/10/1973
CMND số	: 205657791; Cấp ngày: 09/03/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Mỹ Thạch Trung, Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Chỗ ở hiện tại	: Mỹ Thạch Trung, Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện tử
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Chuyên viên chính - Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư- Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ tháng 12/1998 - 06/2004: Kỹ sư viễn thông - Công ty điện báo điện thoại Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 07/2004 - 12/1007: Chuyên viên Phòng ĐTXDCB - Bưu điện Tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 01/2008-7/2014: Chuyên viên Phòng ĐTXDCB - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 08/2014-10/2014: Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 11/2014-9/2015: Chuyên viên chính-Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 10/2015 đến nay: Giám đốc Trung tâm Viễn thông 1-Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	5.000 cổ phần (chiếm 0,33% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty

Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 14/8/1974
 CMND số : 205699005; Cấp ngày: 16/05/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Xã Thủy Vân- Hưng Trà- Thừa Thiên Huế
 Chỗ ở hiện tại : 153 Phan Chu Trinh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
 Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác : Kế toán trưởng-TT Kinh doanh-Viện thông Quảng Nam
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ tháng 9/1997- 12/2007: Kế toán viên Phòng Kế toán- tài chính - Bưu điện Tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 01/2008-03/2008: Kế toán viên Phòng Kế toán- tài chính - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 04/2008- 12/2013: Phó trưởng phòng KTTKTC - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 08/2014 đến nay: Kế toán trưởng-TT Kinh doanh-Viện thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0 cổ phần (chiếm 0,0% VDL)
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không
 Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

+ Bà Phạm Thị Phương Thảo – Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty

Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 21/01/1979
 CMND số : 201402576; Cấp ngày: 25/04/1996; Nơi cấp: CA Quảng Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Cẩm Châu- TP Hội an- Tỉnh Quảng nam

Chỗ ở hiện tại : 263 Cửa Đại- TP Hội an, tỉnh Quảng Nam

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kỹ thuật

Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác : Giám đốc TTVT Hội An - Viễn thông Quảng Nam.

Quá trình công tác :

- ✚ Từ tháng 11/2001-8/2004: Kỹ sư Đài OCB - Công ty Điện báo điện thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 9/2004- 01/2008: Kỹ sư VT - Tổ trưởng Đài Host Hội An - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 01/2008- 5/2010: Phó giám đốc- Trung tâm Viễn thông 3 - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ tháng 6/2010 đến nay: Giám đốc Trung tâm Viễn thông Hội An - Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : **3.500** cổ phần (chiếm 0,23% VDL)

Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không

Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không

Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

+ Ông Nguyễn Trí Bầy – Ủy viên Ban kiểm soát Công ty

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 1967

CMND số : 205181580; cấp ngày 20/07/2001; Công an Quảng Nam cấp.

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Khối phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam

Chỗ ở hiện tại : Khối phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật

Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác : Chuyên viên Pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng Nam
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 05/1991 - 10/1991, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Duy Xuyên - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 11/1991 - 11/1996, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Thăng Bình - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 12/1996 - 06/1997, Kỹ thuật viên chuyển mạch Bưu điện Tam Kỳ - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 07/1997 - 03/1998, Kỹ thuật viên Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 04/1998 - 08/2002, Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 09/2002 - 02/2004, Chuyên viên Phòng Kế hoạch kinh doanh - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 03/2004 - 05/2005, Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2005 - 12/2007, Phó trưởng Trung tâm Kinh doanh và Phát triển mạng lưới dịch vụ viễn thông CNTT Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2008 - 06/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Trung tâm Viễn thông 1 - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 07/2010 - 12/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Viễn thông Núi Thành - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2011 - 11/2012, Chuyên viên phòng KTTH-Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 12/2012 - 11/2014, Kỹ thuật viên -Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 12/2014 đến nay, Chuyên viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	2.750 cổ phần (chiếm 0,18% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

+ **Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân – Kế toán trưởng Công ty**

Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 10/02/1977
 CMND số : 201347816; cấp ngày 30/9/1994; Công an Quảng Nam Đà Nẵng cấp.
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : KDC Biên Phòng, Tam Kỳ, Quảng Nam
 Chỗ ở hiện tại : KDC Biên Phòng, Tam Kỳ, Quảng Nam
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
 Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 08/2003-04/2004: Giao dịch Bưu điện - Chi nhánh Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 05/2004-03/2006: Kế toán viên TC - Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 04/2006-09/2010: Kế toán viên TC - Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 10/2010-23/03/2012: Kế toán trưởng - Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 24/03/2012-30/6/2014: Phụ trách Kế toán Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 01/7/2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân : 0 cổ phần (chiếm 0% VDL)
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không
 Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết : Không

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2015: **Không**
- Nhân sự Công ty: **24** người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ	24	100%
Đại học	14	58,33
Cao đẳng	2	8,33

Trung cấp	2	8,33
Công nhân	3	12,50
Chưa qua đào tạo	3	12,50
Theo loại hợp đồng	24	100%
Không xác định thời hạn	20	83,33
Xác định thời hạn	4	16,67
Theo giới tính	24	100%
Nam	19	79,17
Nữ	5	20,83

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư các hạng mục còn lại của Dự án Khu dân cư Sơn Xuyên tại thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam:

Khái quát dự án:

- * Tổng vốn đầu tư theo dự án được duyệt : 24.144.000.000 đồng
 - + Đã đầu tư giai đoạn 1 năm 2013-2015 : 21.681.770.860 đồng
 - + Kế hoạch đầu tư giai đoạn còn lại năm 2016 : 2.462.229.140 đồng
 - * Tổng diện tích của dự án : 22.313 m²
 - Trong đó:
 - + Đất khai thác : 8.719,9 m²
 - + Đất tái định cư : 759,5 m²
 - + Đất thương mại dịch vụ : 394,5 m²
 - + Đất ở chính trang : 6.966 m²
 - + Đất giao thông và HTKT : 5.473,1 m²
 - * Tổng số lô đất KDC khai thác : 75 lô đất nền .
 - + Doanh thu từ khai thác (bán) từ năm 2014-2015 : 15.064.000.000 đồng/41 lô.
 - + Dự kiến khai thác (bán) năm 2016 : 5.500.000.000 đồng/10 lô .
 - Lợi nhuận từ chênh lệch giá khai thác : 1.200.000.000 đồng
 - * Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp Quản lý dự án
 - * Nguồn vốn đầu tư: Vận dụng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn vay từ các Ngân hàng.
 - * Thời gian hoàn thành dự án: Năm 2016
- b. Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng QTC):

*** Tình hình hoạt động:**

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, bộ máy quản lý điều hành đã thực hiện đầy đủ đảm bảo đúng pháp luật, đạt hiệu quả thể hiện các mặt sau:

- Quản lý điều hành bằng hình thức ban hành các quy chế nội bộ của doanh nghiệp, điều chỉnh bằng các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định của Ban giám đốc, hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần, kịp thời bổ sung, sửa đổi, các quy chế phù hợp với chế độ chính sách hiện hành và cơ chế thị trường. Sử dụng một cách hợp lý về tiền vốn và nguồn lực đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, việc trả lương, thưởng đảm bảo nguyên tắc và kịp thời động viên khuyến khích người lao động.
- Theo dõi, quản lý tốt nguồn tài chính của Công ty, thường xuyên quan tâm đến công tác thanh toán vốn và thu hồi nợ, hoạt động sản xuất kinh doanh bằng vốn tự có.
- Tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, bảo toàn và phát triển vốn của Cổ đông.

*** Công tác tài chính Công ty:**

Công tác tài chính luôn thực hiện đảm bảo nguyên tắc, đúng luật kế toán và các quy định tài chính hiện hành, có quy chế hoạt động tài chính nội bộ công ty, quản lý tốt công tác tài chính, tình hình tài chính ổn định, sản xuất kinh doanh phát triển tốt, thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.

- Kết quả hoạt động tài chính năm 2015:

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014	So sánh 2015/2014%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	237.851.398	5.013.648.595	4,74
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10	237.851.398	5.013.648.595	4,74
4. Giá vốn hàng bán	11	139.607.130	4.776.529.176	2,92
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20	98.244.268	237.119.419	41,43
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	82.224	533.964	15,40
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	91.779.465	171.301.811	53,58
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động	30	6.547.027	66.351.572	9,87

kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}				
11. Thu nhập khác	31			!
12. Chi phí khác	32	226.430	264.890	85,48
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	-226.430	-264.890	85,48
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	6.320.597	66.086.682	9,56
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.261.119	10.362.677	12,17
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	5.059.478	55.724.005	9,08
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng (+) giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	38.626.704.785	32.776.790.432	84,86
Doanh thu thuần	34.125.379.779	22.144.366.291	64,89
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.520.876.174		
Lợi nhuận khác	-93.966.200		
Lợi nhuận trước thuế	3.426.909.974	2.122.867.679	61,95
Lợi nhuận sau thuế	2.703.674.580	1.514.321.226	56,01
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	9%	90,00

- Các chỉ tiêu khác: **Không.**

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,32	3,26	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,00	2,27	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,29	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,71	0,41	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			

<u>Giá vốn hàng bán</u>	4,40	2,51	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,87	0,67	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,10	0,11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

- + Số cổ phần đang lưu hành: **1.500.000** cổ phần
- + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: **1.500.000** cổ phần
- + Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0** cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

- + Tổng số cổ phần: **1.500.000** cổ phần
- + Tổng số cổ đông theo danh sách ngày 31/3/2015 là **158** cổ đông. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiếm tỷ lệ 32,67% số cổ phần).

Các cổ đông tổ chức:

TT	Quốc gia	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần
1	Viet Nam	Bưu điện tỉnh Quảng Nam	01 Trần Phú -P. Tân Thạnh - TP Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam	18.000
2	Viet Nam	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp HCM	50
3	Viet Nam	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế ABC	614 Lạc Long Quân, Tây Hồ, HN	150.600
4	Viet Nam	Tập Đoàn BCVT VN	57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa Tp Hà Nội	490.000
		Tổng cộng:		658.650
		Tỷ lệ:		43,91%

Cổ đông cá nhân: 155 cổ đông với tổng số cổ phần là: 84 1.350 cổ phần (chiếm 56,09%)

Số cổ đông trong nước: 15 6 cổ đông, với tổng 1.489.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,33%

Số cổ đông nước ngoài: 2 cổ đông, với tổng 10.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,67%

TT	Quốc tịch	Tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần	Cá nhân/TC
1	Japan	Yamamoto Kenji	4260-6 Shirasuka Kosai-shi Shizuoka, Japan	1.200	Cá nhân
2	Japan	Shirasaka Tsuyoshi	949 Saginomiya, Annaka City, Gunma, 379-0124, Japan	8.900	Cá nhân
		Tổng cộng:		10.100	
		Tỷ lệ:		0,67%	

Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiếm 490.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 32,67%. Cổ đông khác chiếm 1.010.000, tương ứng 67,33%.

Danh sách 20 cổ đông sở hữu cổ phần lớn nhất:

TT	Tên cá nhân/Tổ chức	Địa chỉ	Cá nhân/Tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Số 57 phố Huỳnh Thúc Kháng, Hà nội	b. Tổ chức	490.000	32,67%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế ABC	614 Lạc Long Quân, Tây Hồ, HN	b. Tổ chức	150.600	10,04%
3	Huỳnh Văn Thành	23 Trịnh Văn Cấn, Quận 1, HCM	a. Cá nhân	73.600	4,91%
4	Nguyễn Ngọc Anh	80 Chu Mạnh Trinh, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	a. Cá nhân	70.343	4,69%
5	Huỳnh Tấn Chung	158 Bạch Đằng, Tp Đà Nẵng	a. Cá nhân	52.500	3,50%
6	Đình Công Trạng	Khu Biệt thự Tây Hồ, Số 10, Đặng Thai Mai, BT11, Quảng An, Tây hồ, Hà Nội	a. Cá nhân	35.000	2,33%
7	Trương Công Hòa	Lô 24, KDC 358 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng	a. Cá nhân	34.500	2,30%
8	Nguyễn Tấn Lộc	4.21 Chung Cư 2, Tân Sơn Nhì, P.14, Q. Tân Bình, TP HCM	a. Cá nhân	30.200	2,01%

TT	Tên cá nhân/Tổ chức	Địa chỉ	Cá nhân/Tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ
9	Đỗ Thị Hà Hiền	085/6 TTX2-XT Đà Lạt - Lâm Đồng	a. Cá nhân	21.900	1,46%
10	Trần Hoài Thanh	Số 34, Đường Thanh Long, Đà Nẵng	a. Cá nhân	20.500	1,37%
11	Trần Đình Chinh	Cty xây lắp và PTDV Bưu điện Quảng Nam	a. Cá nhân	20.000	1,33%
12	Lê Văn Kỳ	Bình Lâm, Hiệp Đức, Quảng Nam	a. Cá nhân	19.000	1,27%
13	Huỳnh Thị Kim Ánh	52/26 Lâm Văn Bền, Q7, TP.HCM	a. Cá nhân	18.300	1,22%
14	Bưu điện tỉnh Quảng Nam	01 Trần Phú -P. Tân Thạnh - TP Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam	b. Tổ chức	18.000	1,20%
15	Nguyễn Hữu Thường	19 Trần Cao Vân , TP.Đà Nẵng	a. Cá nhân	17.500	1,17%
16	Phan Phụng Tuấn	67 Nguyễn Dục, TP Tam Kỳ, Quảng Nam	a. Cá nhân	16.800	1,12%
17	Phạm Hữu Xuân	29-Lô B-Cổng Vị-Hà Nội	a. Cá nhân	13.150	0,88%
18	Nguyễn Việt Hà	Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam	a. Cá nhân	12.450	0,83%
19	Châu Quang Trịnh	193 Trần Quý Cáp, Tam Kỳ, Quảng Nam	a. Cá nhân	12.000	0,80%
20	Nguyễn Hoàng Phú Sĩ	169 Đường Bé Văn Đàn, Đà Nẵng	a. Cá nhân	10.000	0,67%
		Tổng cộng:		1.136.343	75,76%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2015: **Không có**

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2015: **Không có**

e. Các chứng khoán khác năm 2015: **Không có**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ban Tổng giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2015 là: 22,144 tỷ đồng/25,200 tỷ đồng đạt tỷ lệ 87,87% so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 là: 2,122 tỷ đồng /3,000 tỷ đồng đạt tỷ lệ 70,76% so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 là: 1,514 tỷ đồng / 2,400 tỷ đồng đạt tỷ lệ 63,10% so với kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 9,15%

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Theo báo cáo tài chính năm 2015, Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (91,61%) trong tổng tài sản.

b. Tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả chiếm tỷ trọng (29,26%) tổng nguồn vốn.

Khả năng thanh toán hiện hành tương đối tốt, vì giá trị tài sản công ty gấp 2,3 lần so với các khoản nợ thanh toán, chứng tỏ tài sản của công ty có thể trang trải được các khoản nợ. Tuy nhiên, Công ty sẽ gặp khó khăn khi triển khai đồng loạt các dự án lớn với yêu cầu tiến độ nhanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016:

Doanh thu	:	25.000.000.000 đồng
Trong đó:		
Xây lắp viễn thông, XD dân dụng	:	19.000.000.000 đồng
Kinh doanh bất động sản	:	5.500.000.000 đồng
Hoạt động tài chính + khác	:	500.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế	:	3.000.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế	:	2.340.000.000 đồng
Chi trả cổ tức	:	10%

4.2 Kế hoạch tiền lương 2016:

Để đảm bảo việc chi trả lương theo đúng chế độ Nhà nước, kích thích sản xuất phát triển. Quỹ lương năm 2016 là 9% Sản lượng Doanh thu để trả cho toàn thể CBCNV Công ty.

4.3 Kế hoạch đầu tư:

Tham gia triển khai các dự án hạ tầng vừa và nhỏ tại Quảng Nam, cụ thể: Xây dựng CSHT các trạm phát sóng, Trường học, giao thông liên xã ...

4.4 Kế hoạch tài chính:

Công ty sẽ sử dụng vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác dùng cho vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu.

Tham gia các dự án liên doanh đối với các Công ty đang hoạt động hiệu quả hoặc góp vốn vào các dự án hạ tầng nhằm bổ sung lợi nhuận của Công ty.

4.5 Chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Chủ trương giao cho Hội đồng quản trị Công ty đàm phán với Công ty kiểm toán và kế toán AAC hoặc Công ty kiểm toán và kế toán AFC làm đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016. Trong trường hợp cuộc đàm phán không thành công (điều kiện, giá cả) thì Hội đồng quản trị được phép chọn tiếp một trong các công ty kiểm toán độc lập có văn phòng tại Quảng Nam hoặc Đà Nẵng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

- Tiêu thụ nước: Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nước cấp chủ yếu phục vụ sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên. Nguồn cấp nước từ các công ty cung cấp nước địa phương.

Tổng giá trị sử dụng nước tính đến hết năm 2015 là **5,2** triệu đồng

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

- Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tổng số lượng điện tiêu thụ phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2015 là 21.801 Kwh tương đương 56.124.083 đồng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Tổng số lao động đến nay là 27 người, mức lương trung bình đối với người lao động là **5.615.000** đồng/tháng/người

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động.

- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, tập trung đào tạo tại chỗ cho người lao động, gửi người lao động đi đào tạo theo từng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thường xuyên tìm kiếm việc làm ổn định cho người lao động để phát triển chuyên môn và sự nghiệp.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Thường xuyên đóng góp xây dựng các phong trào do địa phương phát động, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, đóng góp quỹ đảm bảo an ninh khu vực nơi công ty đặt trụ sở làm việc.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Mặc dù thị trường xây lắp năm 2015 có khởi sắc, Công ty QTC có thể mạnh về thương hiệu Công tác đấu thầu, tìm kiếm công trình mới được Ban Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo quyết liệt và đã được kết quả khả quan, cụ thể tổng giá trị hợp đồng ký kết trong năm 2015 đạt 27 tỷ đồng, nhưng doanh thu quyết toán của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 chỉ đạt 88% kế hoạch năm.

Mặt khác trong năm 2015 Công ty phải gánh chịu các khoản chi phí rủi ro từ các năm trước do thanh tra thuế truy thu từ năm 2009 đến năm 2013 dẫn đến thu nhập của Công ty trong năm 2015 giảm so với kế hoạch đề ra .

HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các định hướng phát triển, đầu tư theo Nghị quyết Đại hội. Phân công các thành viên giám sát các hoạt động điều hành của bộ máy quản lý phù hợp với tình hình thực tế công ty .

Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông Trần Hoài Thanh - Tổng Giám đốc Công ty

Ông Lưu Văn Minh Thành - Phó tổng Giám đốc Công ty

Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân - Kế toán trưởng

Với cơ cấu như trên, HĐQT có rất nhiều thuận lợi do có 2/5 thành viên đều nằm trong bộ máy lãnh đạo và là cán bộ chủ chốt của Công ty, có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, HĐQT đoàn kết và có sự đồng thuận cao trong các định hướng và quyết sách của Công ty.

Công tác quản trị: Thực hiện điều lệ Công ty, ngoài việc tổ chức đại hội cổ đông thường niên, HĐQT còn tiến hành các phiên họp thường kỳ để trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và nhiệm vụ đã đề ra, đồng thời phân tích, chỉ đạo và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty. Việc công bố thông tin và báo cáo định kỳ được thực hiện kịp thời, đầy đủ đúng thời gian quy định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Trong năm 2015, Ban Tổng giám đốc được củng cố, đảm bảo năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng giám đốc đã ban hành Quyết định phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban điều hành phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty:

Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật hiện hành, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc luôn luôn thể hiện trình độ

chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh lãnh đạo, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, tuân thủ và triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hằng tháng với Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và Trưởng, phó các Phòng ban nghiệp vụ đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo sát sao và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc đã rất quyết liệt trong việc tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giảm nhân lực. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự...

Trong hoạt động xây lắp: Ban Tổng giám đốc đặc biệt chú trọng, chỉ đạo quyết liệt công tác đấu thầu, tìm kiếm các công trình mới để đảm bảo doanh thu lợi nhuận trong năm cũng như tạo nguồn việc cho năm kế tiếp. Tổng giám đốc đã quyết liệt phân giao nhiệm vụ phụ trách các công trình cụ thể tới từng thành viên, thường xuyên chỉ đạo, kiểm soát tiến độ, chất lượng thi công công trình. Việc triển khai quy trình quản lý các công trình xây lắp từ Công ty đến các Đội thi công đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Năm 2015 một số công trình trọng điểm được hoàn thành và đưa vào sử dụng đã góp phần nâng cao uy tín, năng lực của Công ty trong lĩnh vực xây lắp.

Trong hoạt động kinh doanh bất động sản, Ban Tổng giám đốc tích cực triển khai việc tìm kiếm, hợp tác với các đối tác để tìm kiếm, phát triển các dự án bất động sản mới; hoàn thành cơ bản đầu tư dự án Khu Dân cư Sơn Xuyên tại thị xã Điện Bàn -Quảng Nam.

Ngoài ra Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục phối hợp với tổ chức Đảng, các đoàn thể của Công ty trong việc củng cố sự đồng thuận trong các hoạt động của Công ty đồng thời có chính sách khen thưởng, phúc lợi để kịp thời động viên, khuyến khích, các cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- ✓ Mục tiêu thứ 1 : Hoàn thành kế hoạch doanh thu trên 25 tỷ đồng .
- ✓ Mục tiêu thứ 2 : Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt trên 3 tỷ đồng .
- ✓ Năm 2016 dự đoán kinh tế vẫn đang ở trong giai đoạn khó khăn, phát triển chậm. Thị trường và môi trường kinh doanh ngành nghề xây lắp vẫn bị ảnh hưởng do thị trường còn nhiều khó khăn và hạn hẹp.
- ✓ Các công trình mà công ty chuẩn bị triển khai hầu hết đều là những nơi có địa hình khó khăn, chi phí nhân công và chi phí vận chuyển lớn, thời gian thực hiện luôn kéo dài, do vậy giá thành lớn làm ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của Công ty.
- ✓ Trong bối cảnh này, HĐQT xác định hướng hoạt động của công ty trong năm 2016 như sau:

- Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh truyền thống, tập trung nguồn lực để phát triển dịch vụ kỹ thuật cho mảng di động đặc biệt là công tác đo kiểm, lắp đặt thiết bị trạm di động và công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị.
 - Tập trung nguồn lực cho công tác phát triển lĩnh vực xây dựng dân dụng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật với các hợp đồng đã ký kết, dự kiến doanh thu đối với lĩnh vực này trong năm 2016 chiếm hơn 50% trên tổng doanh thu thực hiện theo như yêu cầu mục tiêu và chiến lược đề ra cho các năm kế hoạch của Công ty.
 - Tiếp tục thực hiện việc đổi mới công tác quản trị Công ty một cách hợp lý nhằm nâng cao chất lượng đem lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động SXKD.
 - Tăng cường công tác quan hệ để củng cố và mở rộng thị trường sang lĩnh vực xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt chú ý đến các khách hàng là các đơn vị hành chính sự nghiệp sử dụng vốn ngân sách...
 - Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Công ty, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền, làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ; tiếp tục rà soát các khoản bảo lãnh để có biện pháp thu hồi, hạn chế rủi ro, thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.
- ✓ Căn cứ những dự đoán của thị trường, nhận thức trách nhiệm trước cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, HĐQT đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2016 với các chỉ tiêu được xác định trong bảng tóm tắt sau:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Tỷ lệ % (16/15)
Doanh thu	22.144.366.291	25.000.000.000	113
Lợi nhuận trước thuế	2.122.867.679	3.000.000.000	141
Lợi nhuận sau thuế	1.514.321.226	2.340.000.000	155
Chi trả cổ tức	9%	10%	

Định hướng chiến lược phát triển năm 2016:

Tiếp tục thực hiện các công trình xây lắp chuyên ngành ngày càng chuyên nghiệp và tinh gọn bộ máy, mở rộng các lĩnh vực sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở hạ tầng hiện có đối với các sản phẩm ngoài chuyên ngành Viễn thông như: Ngành xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi... phối hợp với một số doanh nghiệp khác đầu tư kinh doanh các dự án hạ tầng, bất động sản... nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ròng trên 10% vốn cổ đông.

Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục sắp xếp, củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong và lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên, lấy đó làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

Lĩnh vực thi công xây lắp: Trong chiến lược chuyển dần Công ty sang hoạt động đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng. Công ty xác định sẽ tiếp tục duy trì ở mức phù hợp lĩnh vực truyền thống là hoạt động xây lắp ngành viễn thông, tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động khác của Doanh nghiệp.

Lĩnh vực xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật : Tham gia triển khai các dự án hạ tầng vừa và nhỏ tại Quảng Nam, cụ thể : Xây dựng CSHT các trạm phát sóng, Trường học, giao thông liên xã ...

Lĩnh vực hoạt động tài chính: Tham gia các dự án liên doanh đối với các Công ty đang hoạt động hiệu quả hoặc góp vốn vào các dự án hạ tầng nhằm bổ sung lợi nhuận của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Tỷ lệ cổ phần	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
1	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Điện tử Viễn thông	32,67%	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
				0,83%	Cá nhân
2	Trần Hoài Thanh	Phó chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc	Cử nhân Kinh tế - Du lịch	1,37%	Cá nhân
3	Lưu Văn Minh Thành	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc	Cử nhân cao đẳng KT Viễn thông	0,53%	Cá nhân
4	Châu Quang Trịnh	Ủy viên HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0,80%	Cá nhân
5	Trần Như Hoàng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư Điện tử	0,33%	Cá nhân

Số lượng thành viên độc lập 03 người:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Tỷ lệ cổ phần	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
1	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Điện tử Viễn thông	32,67%	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
				0,83%	Cá nhân
2	Trần Như Hoàng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư Điện tử	0,33%	Cá nhân
3	Châu Quang Trịnh	Ủy viên HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0,80%	Cá nhân

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: **Không có**

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị đã quản lý công ty theo đúng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Giám sát ban quản lý điều hành theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế quy định của Công ty. Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, phân công các thành viên giám sát các hoạt động điều hành của bộ máy quản lý phù hợp với tình hình thực tế công ty.

Stt	Nội dung cuộc họp	Kết quả các thành viên thông qua	Ngày, tháng, năm
1	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015: - Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015: ngày 25/3/2015 - Thời gian tổ chức: Trong tuần tháng 4/2015.	100%	10/3/2015
2	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 thông qua các nội dung: - Báo cáo hoạt động của HĐQT 2014 và nhiệm vụ năm 2015 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 -Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2015 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2015.	100%	17/4/2015
3	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc Chi trả cổ tức đợt 2 (5% còn lại) của năm 2014 cho cổ đông; Ngày đăng ký cuối cùng 14/5/2015; Ngày thực hiện chi trả 28/5/2015.	100%	22/4/2015

4	Nghị quyết sơ kết hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2015 và nhiệm vụ hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2015.	100%	22/7/2015
5	Nghị quyết sơ kết hoạt động SXKD 9 tháng năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động SXKD Quý 4 năm 2015.	100%	25/9/2015

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: **Không có**
- e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: **Không có**
- f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: **Không có**

2. Ban Kiểm soát:

- a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát trước ngày 31/12/2015

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Số lượng cp sở hữu
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng BKS	Cử nhân kế toán	0
2	Phạm Thị Phương Thảo	Ủy viên BKS	Thạc sĩ Kỹ thuật	3.500
3	Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên BKS	Cử nhân Luật	2.750

Ban kiểm soát từ ngày 01/01/2016

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Số lượng cp sở hữu
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng BKS	Cử nhân kế toán	0
2	Phạm Thị Phương Thảo	Ủy viên BKS	Thạc sĩ Kỹ thuật	3.500
3	Nguyễn Trí Bảy	Ủy viên BKS	Cử nhân Luật	2.750

- b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- b1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- * **Hoạt động:** Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Được hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thu nhận thông tin từ HĐQT, cung cấp về hoạt động kinh doanh. Tập hợp báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo Đại hội đồng Cổ đông, các kiến nghị của Cổ đông.

- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với HĐQT Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

b2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ với Ban Tổng giám đốc, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, góp phần làm cho hoạt động SXKD được minh bạch, lành mạnh.
- Kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo thẩm định về việc thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh định kỳ 6 tháng và năm của Công ty.
- Thống nhất những đề xuất, kiến nghị với HĐQT trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

b3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý:

* **Hội đồng Quản trị:**

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đề ra, có những định hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, và được hoạch định hoàn chỉnh, có cơ sở thuyết phục và mang tính khả thi cao. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện đã có những quyết định đúng đắn, kiên quyết trong công tác quản lý, điều động, bố trí cán bộ, khắc phục được những hạn chế do môi trường sản xuất kinh doanh bất lợi trong năm 2015, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững

* **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban Tổng giám đốc đã linh hoạt tiếp cận thị trường, giải quyết việc làm đầy đủ cho người lao động, năng động sáng tạo trong xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện, đưa ra các giải pháp quản lý điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn đảm bảo nguyên tắc và đạt hiệu quả.

* **Cán bộ quản lý:**

Bộ phận cán bộ quản lý của Công ty thừa hành thực hiện nhiệm vụ được giao, luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, năng động sáng tạo trong quá trình thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Cổ đông công ty luôn thể hiện tinh thần đoàn kết và có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Cổ đông luôn phối hợp thực hiện đảm bảo đúng thủ tục trình tự, được gắn kết chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty:

*** Tình hình hoạt động:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, bộ máy quản lý điều hành đã thực hiện đầy đủ và thắng lợi chương trình mục tiêu kinh tế xã hội và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về định hướng chiến lược phát triển kinh doanh năm 2015 của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, đạt hiệu quả thể hiện các mặt sau:

- Quản lý điều hành bằng hình thức ban hành các quy chế nội bộ của doanh nghiệp, điều chỉnh bằng các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định của Ban Tổng giám đốc, hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần, kịp thời bổ sung, sửa đổi, các quy chế phù hợp với chế độ chính sách hiện hành và cơ chế thị trường. Sử dụng một cách hợp lý về tiền vốn và nguồn lực đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, việc trả lương, thưởng đảm bảo nguyên tắc và kịp thời động viên khuyến khích người lao động.
- Theo dõi, quản lý tốt nguồn tài chính của Công ty, thường xuyên quan tâm đến công tác thanh toán vốn và thu hồi nợ, hoạt động sản xuất kinh doanh bằng vốn tự có và vay ngân hàng.
- Tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, bảo toàn và phát triển vốn của Cổ đông, cụ thể là:
 - + Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2015 là: 22,144 tỷ đồng/ 25,200 tỷ đồng đạt tỷ lệ 88,00% so với kế hoạch.
 - + Lợi nhuận trước thuế năm 2015 là: 2,122 tỷ đồng / 3,000 tỷ đồng đạt tỷ lệ 71,00% so với kế hoạch.

- + Lợi nhuận sau thuế năm 2015 là: 1,514 tỷ đồng / 2,400 tỷ đồng đạt tỷ lệ 63,00% so với kế hoạch.
- + Thu nhập người lao động bình quân năm 2015 là: 5,615 triệu đồng/người/tháng so với năm 2014 là: 5,599 triệu đồng/người/tháng đạt 100,002%.

*** Công tác tài chính Công ty:**

Công tác tài chính luôn thực hiện đảm bảo nguyên tắc, đúng luật kế toán và các quy định tài chính hiện hành, có quy chế hoạt động tài chính nội bộ công ty, quản lý tốt công tác tài chính, tình hình tài chính ổn định, sản xuất kinh doanh phát triển tốt, thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.

Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH kiểm toán và Kế toán AAC bao gồm: Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo về tình hình tài chính của Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2015 và các số liệu Ban tài chính kế toán Công ty cung cấp, Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra và đánh giá như sau:

- Kết quả hoạt động tài chính năm 2015:

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014	So sánh 2015/2014%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21.982.722.005	33.555.149.224	65,51
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10	21.982.722.005	33.555.149.224	65,51
4. Giá vốn hàng bán	11	17.765.774.433	28.315.136.246	62,74
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20	4.216.947.572	5.240.012.978	80,48
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.483.686	66.988.014	33,56
7. Chi phí tài chính	22	15.093.513	17.337.432	87,06
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	20.862.887	17.379.734	120,04
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.760.399.169	1.768.787.386	99,53
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	2.411.052.974	3.520.876.174	68,48
11. Thu nhập khác	31	139.160.660	125.418.712	110,96
12. Chi phí khác	32	427.345.895	219.348.912	194,82
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	-288.185.295	-93.966.200	306,69

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	2.122.867.679	3.426.909.974	61,95
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	608.546.453	711.949.790	85,48
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	11.285.604	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	1.514.321.226	2.703.674.580	56,01
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.010	1.802	56,05

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2015 tăng hơn so với năm 2014 cụ thể.

+ Tổng doanh thu: 65,51%,

+ Lợi nhuận sau thuế : 56,01%.

Ban kiểm soát căn cứ số liệu và báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty năm 2015, đã được Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện và Ban Tài chính kế toán Công ty chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ và tính trung thực về số liệu đã cung cấp để kiểm tra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát :

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Stt	Họ và tên	Các khoản lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác			
		Lương hằng tháng (đồng)	Thưởng (đồng)	Thù lao (đồng)	Các lợi ích khác
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Việt Hà - Chủ tịch HĐQT	0	0	15.143.212	0
2	Trần Hoài Thanh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	10.377.000	0	15.143.212	0
3	Lưu Văn Minh Thành - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	9.118.000	0	12.114.569	0
4	Trần Như Hoàng - Ủy viên HĐQT	0	0	7.571.606	0
5	Châu Quang Trinh - Ủy viên HĐQT	0	0	7.571.606	0
II	Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc -	0	0	9.085.927	0

	Trưởng Ban kiểm soát				
2	Phạm Thị Phương Thảo - Ủy viên Ban kiểm soát	0	0	4.542.963	0
3	Nguyễn Trí Bảy - Ủy viên Ban kiểm soát	0	0	4.542.963	0

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: **Không có**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: **Không có phát sinh**

Stt	Tên hợp đồng	Cổ đông nội bộ

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty QTC đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/4/2014.

Công ty đã thực hiện giao dịch Cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 06/06/2014 với mã chứng khoán là QCC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015 : 15.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 510.3811811
- Fax: (84) 510.3811999
- E-mail: ceo@qtc.com.vn
- Website: www.qtc.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng internet;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;
- Bưu chính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Cổng thông tin;

- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cốt bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 24 người. Trong đó cán bộ quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Viết Hà | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2012 |
| • Ông Trần Hoài Thanh | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/06/2014 |
| • Ông Lưu Văn Minh Thành | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/06/2014 |
| • Ông Trần Như Hoàng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/06/2014 |
| • Ông Châu Quang Trịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/06/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/07/2014 |
| • Bà Phạm Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 04/07/2014 |
| • Ông Nguyễn Trí Bảy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Trần Hoài Thanh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/04/2014 |
| • Ông Lưu Văn Minh Thành | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/07/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Hoài Thanh

Quảng Nam, ngày 22 tháng 03 năm 2016

1. Ý kiến kiểm toán


CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
 Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
 Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
 Email: aac@dnng.vn
 Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
 47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
 Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
 Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 308/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 C.ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 02/03/2016, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thấp hơn với quy định là 1.470.539.563 đồng. Nếu lập dự phòng theo đúng quy định thì khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 sẽ tăng lên 1.470.539.563 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng thêm 1.470.539.563 đồng, chỉ tiêu “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi lần lượt là 323.518.704 đồng và 1.147.020.859 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.025.949.418	36.672.078.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.550.988.671	911.674.374
1. Tiền	111	5	1.550.988.671	911.674.374
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.220.080.329	30.232.967.574
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.544.338.890	21.189.942.266
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	121.012.816	105.628.850
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.287.992.970	8.670.660.805
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		266.735.653	266.735.653
IV. Hàng tồn kho	140	9	9.124.701.673	5.036.965.388
1. Hàng tồn kho	141		9.232.351.305	5.144.615.020
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(107.649.632)	(107.649.632)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		130.178.745	490.471.549
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	130.178.745	49.109.549
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	441.362.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.750.841.014	1.954.625.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.161.710
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	3.161.710
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.227.064.065	1.570.932.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.227.064.065	1.570.932.838
- Nguyên giá	222		9.178.915.952	8.139.604.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.951.851.887)	(6.568.671.214)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	12	193.638.319	-
- Nguyên giá	231		577.130.719	355.829.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(383.492.400)	(355.829.784)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	280.060.300	274.290.926
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		80.000.000	80.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		200.159.000	200.159.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(98.700)	(5.868.074)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		50.078.330	106.240.426
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	50.078.330	106.240.426
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.776.790.432	38.626.704.785

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.589.119.206	15.991.324.998
I. Nợ ngắn hạn	310		9.221.619.206	15.904.052.271
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.398.254.201	6.686.587.525
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	100.001
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.485.525.776	1.881.992.576
4. Phải trả người lao động	314		2.601.591.459	5.927.547.825
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16.a	87.272.727	114.275.673
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	306.588.055	788.180.854
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.a	540.323.113	700.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(197.936.125)	(194.632.183)
II. Nợ dài hạn	330		367.500.000	87.272.727
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	16.b	-	87.272.727
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.b	367.500.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.187.671.226	22.635.379.787
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	23.187.671.226	22.635.379.787
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	6.673.350.000	6.673.350.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	1.514.321.226	962.029.787
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(991.644.793)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.514.321.226	1.953.674.580
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.776.790.432	38.626.704.785



Trần Hoài Thanh

Quảng Nam, ngày 2 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

Phạm Thị Trúc Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	21.982.722.005	33.555.149.224
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		21.982.722.005	33.555.149.224
4. Giá vốn hàng bán	11	21	17.765.774.433	28.315.136.246
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.216.947.572	5.240.012.978
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	22.483.686	66.988.014
7. Chi phí tài chính	22	23	15.093.513	17.337.432
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.862.887	17.379.734
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	52.885.602	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	1.760.399.169	1.768.787.386
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.411.052.974	3.520.876.174
11. Thu nhập khác	31	25	139.160.600	125.418.712
12. Chi phí khác	32	26	427.345.895	219.384.912
13. Lợi nhuận khác	40		(288.185.295)	(93.966.200)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.122.867.679	3.426.909.974
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	608.546.453	711.949.790
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	11.285.604
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.514.321.226	2.703.674.580
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.010	1.751
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.010	1.751



Trần Hoài Thanh

Quảng Nam, ngày 2 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

Phạm Thị Trúc Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		26.513.949.707	25.688.564.253
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(9.349.756.283)	(19.642.576.030)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.167.720.400)	(4.397.137.556)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	16,23	(21.740.913)	(114.021.735)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(881.761.204)	(72.114.779)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.872.344.896	3.016.625.928
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.556.349.995)	(6.730.746.436)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.408.965.808	(2.251.406.355)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	(1.260.612.835)	-
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	418.181.818
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	5.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	22.483.686	72.690.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.238.129.149)	6.090.872.610
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	960.323.113	1.900.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(752.500.000)	(6.727.378.932)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16,19.d	(739.345.475)	(641.313.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(531.522.362)	(5.468.692.738)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		639.314.297	(1.629.226.483)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	911.674.374	2.540.900.857
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.550.988.671	911.674.374



Trần Hoài Thanh

Quảng Nam, ngày 2 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

Phạm Thị Trúc Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/04/2014.

Công ty đã thực hiện giao dịch Cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 06/06/2014 với mã chứng khoán là QCC

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015 : 15.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính - viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng internet;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;
- Bưu chính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Công nghệ thông tin;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông không dây;

- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là Xí nghiệp xây lắp và Sản xuất vật liệu Bưu điện.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu

lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 34) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4.3 Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT -BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT -BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT -BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 20
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT -BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với hoạt động cho thuê tài sản và được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn bán hàng

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động xây lắp,...
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	303.971.996	129.254.402
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.247.016.675	782.419.972
Cộng	<u>1.550.988.671</u>	<u>911.674.374</u>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Viễn thông Khánh Hòa	3.948.393.726	3.274.138.843
Viễn thông Quảng Nam	5.884.171.908	8.523.874.077
Công ty CP Đầu Tư và PT Hạ Tầng QTC (bên liên quan)	2.500.557.430	2.535.557.430
Các đối tượng khác	4.211.215.826	6.856.371.916
Cộng	<u>16.544.338.890</u>	<u>21.189.942.266</u>

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hoàng An	18.642.858	-
Công ty CP Đầu tư Cao su Quảng Nam	17.068.850	17.068.850
Công ty TNHH MTV Ba Trần	33.300.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kỳ Hưng	45.000.000	45.000.000
DNTN Xưởng Cán Tôn Trường Thịnh I	7.001.108	-
Các đối tượng khác	-	43.560.000
Cộng	<u>121.012.816</u>	<u>105.628.850</u>

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bảo hiểm	26.408.597	-	-	-
Phải thu người lao động	420.000.000	-	16.399.547	-
Trung tâm phát triển Quỹ đất Điện Bàn	-	-	6.065.309.805	-
Tạm ứng	923.496.162	-	2.137.145.318	-
Các khoản khác	918.088.211	-	451.806.135	-
Cộng	<u>2.287.992.970</u>	<u>-</u>	<u>8.670.660.805</u>	<u>-</u>

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	835.612.410	107.649.632	589.003.068	107.649.632
Chi phí SX, KD dở dang	8.384.354.359	-	4.543.227.416	-
Thành phẩm	12.384.536	-	12.384.536	-
Cộng	<u>9.232.351.305</u>	<u>107.649.632</u>	<u>5.144.615.020</u>	<u>107.649.632</u>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015 là 174.467.333 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí sửa chữa và bảo hiểm xe	58.728.230	11.168.498
Tiền thuê đất đặt trạm BTS	43.967.075	14.291.667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	27.483.440	23.649.384
Cộng	130.178.745	49.109.549

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	50.078.330	106.240.426
Cộng	50.078.330	106.240.426

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.276.654.040	3.284.045.475	2.117.910.446	460.994.091	8.139.604.052
Mua sắm trong năm	-	200.000.000	839.311.900	-	1.039.311.900
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.276.654.040	3.484.045.475	2.957.222.346	460.994.091	9.178.915.952
Khấu hao					
Số đầu năm	1.361.654.035	2.636.471.727	2.117.910.446	452.635.006	6.568.671.214
Khấu hao trong năm	96.490.560	243.359.698	34.971.330	8.359.085	383.180.673
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.458.144.595	2.879.831.425	2.152.881.776	460.994.091	6.951.851.887
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	915.000.005	647.573.748	-	8.359.085	1.570.932.838
Số cuối năm	818.509.445	604.214.050	804.340.570	-	2.227.064.065

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.623.032.023 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 4.420.480.208 đồng.

12. Bất động sản đầu tư (cho thuê)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	355.829.784	355.829.784
Tăng trong năm	221.300.935	221.300.935
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	577.130.719	577.130.719
Khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	355.829.784	355.829.784
Tăng trong năm	27.662.616	27.662.616
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	383.492.400	383.492.400
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	193.638.319	193.638.319

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015			01/01/2015		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết		80.000.000	-	80.000.000	5.815.274	
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng QTC (i)	8.000	80.000.000	-	80.000.000	5.815.274	
Đầu tư vào đơn vị khác		200.159.000	98.700	200.159.000	52.800	
- Công ty CP Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện (ii)	20.000	200.000.000	-	200.000.000	-	
- Công ty CP Đầu Tư Cao su Quảng Nam (VHG) (iii)	9	159.000	98.700	159.000	52.800	106.200
Cộng		280.159.000	98.700	280.159.000	5.868.074	

- Công ty Đầu tư và Phát triển Hạ tầng QTC kinh doanh có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.
- Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện. Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của nó. Do đó, giá trị cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.
- Khoản dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu VHG được căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá đóng cửa ngày 31/12/2015 tại HOSE với giá ghi sổ kế toán.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Cty CP Tân Hoàn Long	759.836.162	1.676.156.271
Công ty CP Đầu Tư và PT Hạ tầng QTC (bên liên quan)	2.581.379.801	2.766.379.801
Các đối tượng khác	1.057.038.238	2.244.051.453
Cộng	<u>4.398.254.201</u>	<u>6.686.587.525</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	1.205.782.214	1.448.565.574	1.519.311.533	1.135.036.255
Thuế thu nhập doanh nghiệp	622.089.096	608.546.453	881.761.204	348.874.345
Thuế thu nhập cá nhân	1.615.176	-	-	1.615.176
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	52.506.090	2.755.669	55.261.759	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>1.881.992.576</u>	<u>2.062.867.696</u>	<u>2.459.334.496</u>	<u>1.485.525.776</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Doanh thu cho thuê trạm BTS	87.272.727	114.275.673
Cộng	<u>87.272.727</u>	<u>114.275.673</u>

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Doanh thu cho thuê trạm BTS	-	87.272.727
Cộng	<u>-</u>	<u>87.272.727</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	150.223	21.998.595
Lãi dự trả	1.299.752	2.177.778
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.340.719	108.686.194
Phải trả khác	185.797.361	655.318.287
Cộng	<u>306.588.055</u>	<u>788.180.854</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	700.000.000	330.323.113	700.000.000	330.323.113
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN - CN Quảng Nam	700.000.000	330.323.113	700.000.000	330.323.113
Vay dài hạn đến hạn trả	-	262.500.000	52.500.000	210.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN - CN Quảng Nam	-	262.500.000	52.500.000	210.000.000
Cộng	700.000.000	592.823.113	752.500.000	540.323.113

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	630.000.000	52.500.000	577.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN - CN Quảng Nam	-	630.000.000	52.500.000	577.500.000
Cộng	-	630.000.000	52.500.000	577.500.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	210.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	367.500.000

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Quảng Nam theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/586687/HĐTD:

- ✓ Số tiền vay: 630.000.000 đồng;
- ✓ Thời hạn vay: 36 tháng;
- ✓ Mục đích vay: Đầu tư mua 01 xe ô tô tải Hino Seri 500 + thùng lửng;
- ✓ Lãi suất cho vay: 9,5%/năm (được áp dụng trả nợ trong 3 tháng đầu tiên) và sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- ✓ Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	15.000.000.000	6.673.350.000	(991.644.793)	20.681.705.207
Tăng trong năm	-	-	2.703.674.580	2.703.674.580
Giảm trong năm	-	-	750.000.000	750.000.000
Số dư tại 31/12/2014	15.000.000.000	6.673.350.000	962.029.787	22.635.379.787
Số dư tại 01/01/2015	15.000.000.000	6.673.350.000	962.029.787	22.635.379.787
Tăng trong năm	-	-	1.514.321.226	1.514.321.226
Giảm trong năm	-	-	962.029.787	962.029.787
Số dư tại 31/12/2015	15.000.000.000	6.673.350.000	1.514.321.226	23.187.671.226

b. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2015 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2014 bằng tiền là 10%/vốn điều lệ (tương ứng 1.500.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện việc chi trả đợt 1 (5%) trong năm 2014 và đợt 2 (5%) trong năm 2015.

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	962.029.787	(991.644.793)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.514.321.226	2.703.674.580
Phân phối lợi nhuận	962.029.787	750.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	962.029.787	-
+ Chia cổ tức	750.000.000	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	76.846.058	-
+ Thù lao HĐQT, BKS	135.183.729	-
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (tạm ứng cổ tức)	-	750.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	1.514.321.226	962.029.787

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 được phân phối theo Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán thành phẩm	532.550.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	327.392.728	228.872.727
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.069.428.021	23.315.521.530
Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.053.351.256	10.010.754.967
Cộng	21.982.722.005	33.555.149.224

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn thành phẩm	573.434.294	210.429.409
Giá vốn cung cấp dịch vụ	143.958.337	93.631.176
Giá vốn hoạt động xây dựng	13.515.429.973	19.805.463.495
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.532.951.829	8.205.612.166
Cộng	17.765.774.433	28.315.136.246

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.483.686	66.988.014
Cộng	22.483.686	66.988.014

23. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	20.862.887	17.379.734
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	45.900	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(5.815.274)	(42.302)
Cộng	15.093.513	17.337.432

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.885.602	-
Cộng	52.885.602	-

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	136.240.391	193.181.811
Tiền lương	652.824.817	687.617.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.849.645	121.695.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.585.140	347.298.883
Các khoản khác	602.899.176	418.993.940
Cộng	1.760.399.169	1.768.787.386

25. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	40.357.989
Thu tiền điện	92.997.098	84.060.723
Thu nhập từ bồi thường	45.663.750	-
Thu nhập khác	499.752	1.000.000
Cộng	139.160.600	125.418.712

26. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí quản lý Công ty niêm yết	20.000.000	17.197.000
Phạt chậm nộp BHXH, tiền thuê đất, chậm nộp thuế, VPHC	153.571.043	3.265.130
Tiền thuê đất phải nộp	-	112.862.059
Chi hộ tiền điện	92.997.098	84.060.723
Chi phí khác	3.661.710	2.000.000
Truy thu thuế GTGT	157.116.044	-
Cộng	427.345.895	219.384.912

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.122.867.679	3.426.909.974
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	320.687.087	48.786.715
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	320.687.087	449.126.715
- Điều chỉnh giảm (chuyển lỗ hoạt động KD BDS)	-	400.340.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.443.554.766	3.475.696.689
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	608.546.453	711.949.790
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	537.582.049	711.949.790
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	70.964.404	-

28. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.514.321.226	2.703.674.580
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(76.846.058)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	76.846.058
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.514.321.226	2.626.828.522
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.010	1.751

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm,

HĐQT sẽ dự kiến trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.296.195.568	3.433.944.175
Chi phí nhân công	7.815.829.575	9.547.227.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	410.843.289	406.617.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.466.088.035	12.497.107.222
Chi phí khác bằng tiền	1.118.842.934	1.194.622.365
Cộng	23.107.799.401	27.079.518.968

30. Báo cáo bộ phận

Hoạt động	Xây dựng VND	Bất động sản VND	Dịch vụ VND	Bán thành phẩm VND	Cộng VND
<i>Năm 2015</i>					
Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ	16.069.428.021	5.053.351.256	327.392.728	532.550.000	21.982.722.005
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn	13.515.429.973	3.532.951.829	143.958.337	573.434.294	17.765.774.433
Chi phí bán hàng không phân bổ					52.885.602
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					1.760.399.169
Doanh thu tài chính không phân bổ					22.483.686
Chi phí tài chính không phân bổ					15.093.513
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.553.998.048	1.520.399.427	183.434.391	(40.884.294)	2.411.052.974
Thu nhập khác					139.160.600
Chi phí khác					427.345.895
Lợi nhuận khác					(288.185.295)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					2.122.867.679
Chi phí thuế TNDN hiện hành					608.546.453
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế trong năm					1.514.321.226
<i>Tại ngày 31/12/2015</i>					
Tài sản cố định	1.956.719.067	-	-	270.344.998	2.227.064.065
- Nguyên giá	7.498.629.687	-	-	1.680.286.265	9.178.915.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	(5.541.910.620)	-	-	(1.409.941.267)	(6.951.851.887)
Bất động sản đầu tư	-	-	193.638.319	-	193.638.319
- Nguyên giá	-	-	577.130.719	-	577.130.719
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	(383.492.400)	-	(383.492.400)

Hoạt động	Xây dựng VND	Bất động sản VND	Dịch vụ VND	Bán thành phẩm VND	Cộng VND
Năm 2014					
Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ	23.315.521.530	10.010.754.967	228.872.727	-	33.555.149.224
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn	19.805.463.495	8.205.612.166	93.631.176	210.429.409	28.315.136.246
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					1.768.787.386
Doanh thu tài chính không phân bổ					66.988.014
Chi phí tài chính không phân bổ					17.337.432
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.510.058.035	1.805.142.801	135.241.551	-210.429.409	3.520.876.174
Thu nhập khác					125.418.712
Chi phí khác					219.384.912
Lợi nhuận khác					(93.966.200)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					3.426.909.974
Chi phí thuế TNDN hiện hành					711.949.790
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					11.285.604
Lợi nhuận sau thuế trong năm					2.703.674.580
Tại ngày 31/12/2014					
Tài sản cố định hữu hình	1.143.791.184	-	-	427.141.654	1.570.932.838
- Nguyên giá	6.112.474.956	-	-	2.027.129.096	8.139.604.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	(4.968.683.772)	-	-	(1.599.987.442)	(6.568.671.214)
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	355.829.784	-	355.829.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	(355.829.784)	-	(355.829.784)

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu đầu vào.

Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Chi phí thuê ngoài xây dựng chiếm phần lớn trong giá vốn sản xuất kinh doanh nên Công ty chịu rủi ro về giá phí hoạt động thuê ngoài xây dựng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng chính sách lựa chọn nhà cung cấp. Theo đó, ưu tiên hàng đầu của Công ty là lựa chọn những nhà cung cấp dịch vụ uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty luôn linh hoạt trong việc lựa chọn nhà cung cấp bằng việc tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo dịch vụ được cung cấp với mức giá hợp lý và chất lượng nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động giá phí hoạt động thuê ngoài xây dựng ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là Viễn thông, Bưu điện, Công ty CP Đầu Tư và PT Hạ Tầng QTC. Với đặc thù của các khách hàng này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.398.254.201	-	4.398.254.201
Vay và nợ thuê tài chính	540.323.113	367.500.000	907.823.113
Phải trả khác	306.437.832	-	306.437.832
Cộng	5.245.015.146	367.500.000	5.612.515.146
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.686.587.525	-	6.686.587.525
Vay và nợ thuê tài chính	700.000.000	-	700.000.000
Phải trả khác	766.182.259	-	766.182.259
Cộng	8.152.769.784	-	8.152.769.784

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.550.988.671	-	1.550.988.671
Đầu tư tài chính	-	200.060.300	200.060.300
Phải thu khách hàng	16.544.338.890	-	16.544.338.890
Phải thu khác	918.088.211	-	918.088.211
Cộng	19.013.415.772	200.060.300	19.213.476.072

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	911.674.374	-	911.674.374
Đầu tư tài chính	-	200.106.200	200.106.200
Phải thu khách hàng	21.189.942.266	-	21.189.942.266
Phải thu khác	451.806.135	3.161.710	454.967.845
Cộng	22.553.422.775	203.267.910	22.756.690.685

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ	
Công ty CP Đầu Tư và PT Hạ Tầng QTC	Công ty liên kết

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

	Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
Công ty CP Đầu Tư và PT Hạ Tầng QTC	Mua hàng	185.000.000	5.515.013.453
	Bán hàng	-	4.680.075.383

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	31/12/2015	01/01/2015
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	249.253.018	257.889.157

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo

cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Các khoản phải thu khác	6.533.515.487	8.670.660.805
Tài sản ngắn hạn khác	2.403.880.971	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	266.735.653

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Thu nhập khác	503.242.541	125.418.712
Chi phí khác	597.208.741	219.384.912
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.802	1.751



Trần Hoài Thanh

Quảng Nam, ngày 2 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Người lập biểu

Phạm Thị Trúc Linh

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (mã chứng khoán QCC) về kết quả sản xuất kinh doanh và các hoạt động quản trị của công ty trong năm 2015. Xin kính gửi đến Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, các Quý Cổ đông và Nhà Đầu tư.

Quảng Nam, ngày 04 tháng 4 năm 2016
 Người thực hiện CBTT
 Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc

Trần Hoài Thanh

Nơi nhận;

- Như K.gửi;
- Lưu HSK



QTC

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM**

ĐỊA CHỈ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

1. Địa chỉ trụ sở chính:

Phan Bội Châu - P. Tân Thạnh - TX. Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: (84-510) 3 811 811, 3 811 777 Fax: (84-510) 3 811 999

Website: www.qtc.com.vn

Email: ceo@qtc.com.vn

Hãy để chúng tôi phục vụ bạn!